

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/NQ-CP

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch
phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

QUYẾT NGHỊ:

Năm 2025, trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức từ bên ngoài và thiên tai, bão lũ diễn biến phức tạp, vượt mức lịch sử, “lũ chồng lũ, bão chồng bão”, chúng ta đã chủ động, sáng tạo, quyết liệt, kịp thời, hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành, thích ứng linh hoạt với tình hình, nỗ lực “xoay chuyển tình thế, chuyển đổi trạng thái”. Tình hình kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục đạt được nhiều kết quả ấn tượng, rất đáng tự hào, đáng khích lệ, đạt được mục tiêu tổng quát đề ra, đạt và vượt toàn bộ 15 chỉ tiêu chủ yếu năm 2025, đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu của giai đoạn 5 năm 2021-2025, tạo thế, tạo đà, tạo lực cho phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn tới. Khả năng chống chịu của nền kinh tế trước các cú sốc bên ngoài ngày càng được nâng lên; tăng trưởng kinh tế cao, ổn định kinh tế vĩ mô được giữ vững, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm, nợ công, bội chi thấp hơn nhiều so với giới hạn quy định. Thị trường tiền tệ, ngoại hối cơ bản ổn định, đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng và các tổ chức tín dụng. Tăng trưởng GDP ước đạt 8,02%, cao nhất khu vực và thuộc nhóm đầu trên thế giới, được các tổ chức quốc tế đánh giá cao; trong đó một số địa phương đạt mức tăng trưởng trên 10%. GDP bình quân đầu người ước đạt 5.026 USD, trở thành nước thu nhập trung bình cao. Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả năm ước đạt 3,31% so với năm trước, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra. Thu ngân sách nhà nước ước vượt 34,7% so với dự toán. Sản xuất kinh doanh tăng trưởng tích cực cả 3 khu vực: công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 930,05 tỷ USD, xuất siêu ước đạt trên 20 tỷ USD. Thu hút vốn FDI tiếp tục gia tăng mạnh mẽ, cả về vốn đăng ký và giải ngân, thuộc nhóm 15 nước đang phát triển thu hút FDI lớn

nhất thế giới. Thu hút khách du lịch quốc tế đạt 21,2 triệu lượt. Đến nay, có trên 1 triệu doanh nghiệp đang hoạt động, tăng trên 20% so với năm 2020. An ninh năng lượng, an ninh lương thực, cân đối lao động được bảo đảm.

Cuộc “cách mạng” về tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp được triển khai quyết liệt, hiệu quả gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, chuyển mạnh từ nền hành chính quản lý sang kiến tạo phát triển phục vụ Nhân dân. Công tác hoàn thiện thể chế, pháp luật đạt nhiều kết quả nổi bật, tiếp tục xác định đột phá về thể chế là “đột phá của đột phá”, phải đi sớm, đi trước mở đường cho phát triển; đã trình Bộ Chính trị ban hành và triển khai hiệu quả các quyết sách trong nhiều lĩnh vực then chốt; trình Quốc hội thông qua số lượng luật, nghị quyết lớn nhất từ trước đến nay; cải cách thủ tục hành chính được đẩy mạnh, đạt mục tiêu đề ra. Phát triển kết cấu hạ tầng đạt kết quả rõ nét, mở ra không gian phát triển mới. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; tập trung xử lý các ngân hàng yếu kém, dự án đầu tư tồn đọng, chậm tiến độ, kém hiệu quả. Đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số chuyển biến tích cực.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội đạt nhiều kết quả ấn tượng. Nhiều hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn được tổ chức trọng thể, khơi dậy tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển. Đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện; công nghiệp văn hóa, giải trí gắn với du lịch được đẩy mạnh. Chỉ số hạnh phúc của Việt Nam năm 2025 tăng 8 bậc so với năm 2024 và tăng 39 bậc so với năm 2020. An sinh xã hội được quan tâm; hoàn thành mục tiêu cơ bản xóa nhà tạm, nhà dột nát trước thời hạn 5 năm 4 tháng; đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội; đã bố trí kinh phí gần 11 nghìn tỷ đồng tặng quà cho toàn thể Nhân dân nhân dịp Quốc khánh 2/9; bố trí hơn 2.500 tỷ đồng tặng quà cho đối tượng chính sách và yếu thế nhân dịp chào mừng Đại hội Đảng lần thứ XIV và Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026; thực hiện tốt các chính sách xã hội, giảm nghèo bền vững, các chương trình tín dụng chính sách xã hội. Chủ động triển khai quyết liệt các giải pháp ứng phó khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ, kịp thời hỗ trợ Nhân dân nhanh chóng ổn định đời sống, khôi phục sản xuất kinh doanh. Chất lượng giáo dục, đào tạo được nâng lên; đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực ưu tiên được tập trung đẩy mạnh; quy mô đào tạo các ngành công nghệ kỹ thuật mũi nhọn, trọng điểm tăng cả về số lượng và chất lượng trong 05 năm qua, với 102 ngành học và quy mô đào tạo trên 255 nghìn người; đã thực hiện miễn, hỗ trợ học phí đối với học sinh mầm non, phổ thông các cấp trên cả nước; triển khai xây dựng thí điểm 100 trường nội trú liên cấp tại các xã biên giới. Y tế cơ sở, y tế dự phòng được quan tâm đẩy mạnh; phát triển các lĩnh vực y tế chuyên sâu đạt được nhiều kết quả nổi bật. Quốc phòng, an ninh được tăng cường; trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được triển khai chủ động, đồng bộ, hiệu quả, toàn diện. Công tác thông tin, tuyên truyền được triển khai đồng bộ, hiệu quả, góp phần tạo đồng thuận, khơi dậy khát vọng phát triển trong toàn xã hội.

Kết quả đạt được của năm 2025 và giai đoạn 2021 - 2025 là rất đáng trân trọng, tự hào; năm sau tốt hơn năm trước, nhiệm kỳ này tốt hơn nhiệm kỳ trước trên hầu hết các lĩnh vực, được Nhân dân và cộng đồng quốc tế đánh giá cao; tiếp

tạo xu thế đổi mới, tạo đà phát triển nhanh, bền vững, tạo lực phát triển bao trùm, toàn diện; tạo khí thế bước vào kỷ nguyên mới. Có được kết quả trên là nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư; sự giám sát, đồng hành, phối hợp hiệu quả của Quốc hội và các cơ quan trong hệ thống chính trị; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, chủ động bám sát tình hình, phản ứng chính sách kịp thời, linh hoạt, phù hợp, hiệu quả của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các cấp, các ngành, các địa phương; sự ủng hộ, tham gia tích cực của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp; sự hợp tác, giúp đỡ của bạn bè quốc tế.

Bài học kinh nghiệm rút ra là: (1) Nêu cao tinh thần đại đoàn kết; đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. (2) Thực hiện quyết liệt, chủ động, sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; lấy nội lực là cơ bản, chiến lược lâu dài, là quyết định, ngoại lực là quan trọng, cần thiết, thường xuyên, đột phá. (3) Nắm chắc tình hình, phản ứng chính sách kịp thời, linh hoạt, hiệu quả; nhìn xa, trông rộng, nghĩ sâu, làm lớn; coi trọng thời gian, trí tuệ và sự quyết đoán đúng thời điểm. (4) Lấy con người là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu và là nguồn lực, động lực quan trọng nhất cho sự phát triển. (5) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với phân bổ nguồn lực, tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, nâng cao năng lực thực thi; phân công nhiệm vụ bảo đảm “6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả”.

Năm 2026 là năm có ý nghĩa quan trọng, diễn ra Đại hội lần thứ XIV của Đảng, tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, cũng là năm đầu triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030, phấn đấu tăng trưởng 2 con số. Trong khi đó, tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục phức tạp, khó lường, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Ở trong nước, thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là từ bên ngoài; trong khi vẫn còn những tồn tại, hạn chế cần tiếp tục tập trung xử lý; các vấn đề an ninh phi truyền thống, dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu tiếp tục diễn biến bất thường, ảnh hưởng nặng nề...

I. CHỦ ĐỀ, QUAN ĐIỂM, TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 theo Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ yêu cầu các cấp, các ngành, các địa phương tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện mục tiêu tăng trưởng GDP cả nước năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố lớn, địa phương đầu tàu cần phấn đấu tăng trưởng GRDP từ 10% trở lên; phát huy sức mạnh đoàn kết, tinh thần đổi mới, khát vọng vươn lên, không ngừng nỗ lực sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, tự tin, tự lực, tự cường, tự chủ chiến lược, chung sức, đồng lòng “xoay chuyển tình thế, chuyển đổi trạng thái”, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt theo chủ đề ***“Kỷ cương trách nhiệm; chủ động hiệu quả; đổi mới sáng tạo; tăng tốc đột phá; tăng trưởng bền vững”***

với **05** quan điểm, trọng tâm chỉ đạo điều hành, gồm:

1. Quán triệt và thực hiện nghiêm các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, nhất là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, bám sát nguyên tắc điều hành “chủ trương đi trước - nguồn lực đi cùng - kết quả là thước đo” để có các giải pháp đột phá hoàn thành cao nhất các mục tiêu đề ra.

2. Giữ đà, giữ nhịp và tăng tốc, bứt phá. Bám sát thực tiễn, kịp thời ứng phó với những vấn đề phát sinh. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát tốt lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn; nhân diện và phát huy hiệu quả mọi cơ hội, thuận lợi để phát triển nhanh, bền vững đất nước.

3. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, dứt khoát, quyết liệt, toàn diện hơn nữa trong quản lý kinh tế, đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới; phát triển các thành phần kinh tế, huy động và kết hợp hiệu quả các nguồn lực xã hội cho phát triển. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực chính; nâng cao khả năng tự chủ chiến lược.

4. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy trong công tác xây dựng pháp luật, đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển đất nước gắn với phân cấp, phân quyền; tăng cường giám sát, kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Tiếp tục đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

5. Phát triển kinh tế, xã hội là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa là nền tảng, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại là trọng yếu, thường xuyên. Xây dựng, phát triển đất nước trên tinh thần “tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc”.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tập trung hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật, đổi mới mạnh mẽ tư duy, thúc đẩy đột phá chiến lược, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, giải phóng sức sản xuất; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

a) Thể chế hoá kịp thời, đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng; các Nghị quyết, kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội. Tập trung xây dựng, bảo đảm tiến độ chất lượng các dự án luật thuộc Chương trình lập pháp năm 2026. Đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật theo hướng “vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển, huy động tối đa các nguồn lực cho phát triển, tạo không gian phát triển mới”; hoàn thiện hệ thống pháp luật đảm bảo minh bạch, đồng bộ, công bằng. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ. Hoàn thiện quy định về tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền phục vụ triển khai cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy Nhà nước theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; tạo lập môi trường thuận lợi cho đầu tư, sản xuất, kinh

doanh, thúc đẩy chuyển đổi số.

Phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo rà soát và tổ chức thực hiện việc xử lý vướng mắc trong hệ thống pháp luật và các cơ chế đặc biệt để xử lý ngay các khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật; chủ động nghiên cứu, tham mưu xây dựng chính sách, đặc biệt là cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) cho các mô hình kinh tế mới, kinh doanh dựa trên công nghệ và nền tảng số, tạo dựng hành lang pháp lý cho những vấn đề mới, phi truyền thống và cơ chế khuyến khích cho các nhiệm vụ, dự án công nghệ mới, công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn... dự án sử dụng công nghệ có tỷ lệ nội địa hóa cao, dự án lớn; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển đặc khu kinh tế tại Vân Đồn, Vân Phong, Phú Quốc, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế. Tổng kết, đánh giá việc thực hiện thí điểm các cơ chế, chính sách đặc thù đang áp dụng cho các địa phương để nghiên cứu, thể chế hóa thành chính sách chung cho cả nước. Hoàn thiện khung pháp lý để thúc đẩy phát triển an toàn, minh bạch, hiệu quả, bền vững các loại thị trường (tài chính, chứng khoán, khoa học, công nghệ, lao động, bất động sản, mua bán tín chỉ các-bon...). Kiên quyết cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, không để phát sinh mới thủ tục, quy định kinh doanh, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mới không phù hợp, thiếu tính khả thi. Năm 2026, cắt giảm, đơn giản hóa 100% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu thuẫn, chồng chéo hoặc quy định chung chung, không cụ thể, không rõ ràng; bãi bỏ 100% điều kiện đầu tư kinh doanh của các ngành, nghề không thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư; cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính so với năm 2024. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính; xây dựng nền hành chính hiệu quả, năng động và môi trường đầu tư kinh doanh an toàn, minh bạch, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế.

Đẩy mạnh, quyết liệt hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực với tinh thần “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”. Chú trọng giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra, nhất là các kết luận thanh tra do Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo dõi, chỉ đạo; tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy định của pháp luật về thực hiện kết luận thanh tra, kiểm toán, tăng tỷ lệ thu hồi tiền và tài sản do vi phạm, tiêu cực, tham nhũng. Nghiêm cấm việc lợi dụng phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực để trục lợi hoặc can thiệp, cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân định kỳ, kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở; tập trung giải quyết dứt điểm các vụ khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài, vượt cấp, không để phát sinh “điểm nóng” về an ninh, trật tự.

b) Tăng cường hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; hoàn thiện cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán; chú trọng công tác giải thích pháp luật và hướng dẫn áp dụng pháp luật. Kịp thời xây dựng, ban hành, khắc phục triệt để tình trạng chậm, nợ các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội thông qua. Triển khai hiệu quả Đề án “Hoàn thiện cấu trúc hệ thống

pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới” sau khi được ban hành. Tăng cường phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế theo Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Ban Bí thư. Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật... Chú trọng trực trợ giúp pháp lý tại Tòa án nhân dân và trong điều tra hình sự 24/24 giờ. Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý văn bản trái pháp luật, theo dõi, đánh giá việc tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật sau ban hành; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

2. Tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, nợ công, bội chi ngân sách nhà nước trong giới hạn quy định; ứng phó kịp thời, hiệu quả với các biến động kinh tế, thương mại thế giới trong tình hình mới; thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu), khai thác mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới

a) Phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, linh hoạt giữa chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và các chính sách vĩ mô khác, trong đó chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm, chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả.

Điều hành lãi suất, tỷ giá phù hợp với diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô, lạm phát và mục tiêu chính sách tiền tệ. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, hướng dòng vốn tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng của nền kinh tế; tiếp tục triển khai các chương trình tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; kiểm soát tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; tập trung triển khai kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại Thông báo số 211-TB/TW ngày 30 tháng 5 năm 2025 về cơ chế, chính sách quản lý hiệu quả thị trường vàng.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, mở rộng cơ sở thu và chống thất thu thuế, nhất là từ thương mại điện tử, dịch vụ ăn uống, bán lẻ. Trong điều hành, phấn đấu thu ngân sách nhà nước năm 2026 tăng ít nhất 10% so với ước thực hiện năm 2025. Trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 tiết kiệm ngay 5% dự toán khi phân bổ chi đầu tư ngân sách từ đầu năm để bổ sung nguồn đầu tư công trình đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên (ngoài tiết kiệm tạo nguồn cải cách tiền lương) để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội; sử dụng hiệu quả dự địa về nợ công, bội chi trong giới hạn an toàn để huy động nguồn lực cho đầu tư, trong đó có phát hành trái phiếu Chính phủ để đầu tư một số công trình trọng điểm. Chủ động điều hành linh hoạt kỳ hạn, khối lượng phát hành trái phiếu Chính phủ trong năm để đáp ứng nhu cầu huy động vốn cho ngân sách nhà nước, dự phòng những thời điểm thị trường không thuận lợi và bảo đảm an toàn nợ công và thanh khoản của thị trường trái phiếu Chính phủ để phù hợp với quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công.

Quản lý hiệu quả thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán. Phát triển mạnh mẽ thị trường tài chính, thị trường vốn để huy động nguồn lực cho nền kinh tế; xây dựng cơ chế, chính sách thu hút hiệu quả các quỹ đầu tư quốc tế. Triển

khai đồng bộ các giải pháp thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững.

Theo dõi sát diễn biến giá cả hàng hóa thế giới, trong nước, nhất là các loại hàng hóa thiết yếu; tăng cường phân tích, dự báo, chủ động có giải pháp, kích bản ứng phó, điều hành phù hợp, linh hoạt, hiệu quả. Thực hiện nghiêm các quy định về kê khai giá, niêm yết giá, công khai thông tin về giá.

b) Phát triển mạnh thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng, thúc đẩy du lịch, tăng cường xúc tiến thương mại thông qua nhiều hình thức đa dạng, phong phú, trong đó có tổ chức các hội chợ quy mô lớn về thương mại, công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ...; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng khoảng 13-15%. Theo dõi sát tình hình thị trường, thực hiện các biện pháp bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, nhất là trong các dịp cao điểm Lễ, Tết, triển khai các giải pháp kích cầu tiêu dùng. Tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Thực hiện tốt công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Chủ động hoàn thiện hệ thống phòng vệ thương mại, đảm bảo phù hợp với cam kết quốc tế. Có giải pháp quản lý, điều tiết sản xuất, ổn định cung cầu các mặt hàng thiết yếu tác động lớn đến kinh tế - xã hội, sản xuất trong nước và quyền lợi người tiêu dùng. Tổ chức tốt Hội chợ Mùa Xuân vào đầu tháng 02 năm 2026.

Nâng cao chất lượng các loại dịch vụ, nhất là dịch vụ ăn uống, lưu trú, du lịch; tăng cường thu hút khách du lịch quốc tế. Năm 2026, phấn đấu đón và phục vụ 25 triệu lượt khách du lịch quốc tế, 150 triệu lượt khách du lịch nội địa.

c) Có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, kịp thời hơn nữa để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2026, đặc biệt là các dự án quan trọng quốc gia, các công trình trọng điểm và các chương trình mục tiêu quốc gia; lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư, tăng cường hợp tác công tư. Bảo đảm tiến độ thực hiện dự án và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành đúng quy định, tránh thất thoát, lãng phí. Ngân sách Trung ương tập trung đầu tư vào các dự án quan trọng quốc gia, công trình, dự án lớn, có tính liên vùng, liên quốc gia, quốc tế; ngân sách địa phương tập trung đầu tư vào các công trình, dự án liên tỉnh, liên xã; bảo đảm đầu tư trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, tính lan tỏa cao, dứt khoát không dàn trải, manh mún. Tổng số dự án kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2026-2030 không quá 3.000 dự án, bao gồm các dự án chuyển tiếp (không bao gồm các dự án của chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số).

Xây dựng cơ chế hiệu quả thu hút vốn đầu tư nước ngoài có chọn lọc trong một số lĩnh vực có tiềm năng, tạo động lực mới cho tăng trưởng; tạo điều kiện tối đa và khuyến khích các doanh nghiệp triển khai hoạt động nghiên cứu và phát triển hoặc hợp tác chuyển giao công nghệ tại Việt Nam; lựa chọn các nhà đầu tư tiềm năng trong các lĩnh vực trọng điểm để chủ động tiếp cận trao đổi, kêu gọi đầu tư.

d) Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng, đa dạng hoá chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất và thị trường xuất, nhập khẩu gắn với nâng cao chất lượng sản phẩm, tham gia sâu, rộng hơn vào các chuỗi cung ứng khu vực, toàn cầu. Tranh thủ tối đa

cơ hội, khai thác hiệu quả các cơ hội từ 17 FTA đã ký kết để đẩy mạnh xuất khẩu; phấn đấu thăng dư thương mại bền vững.

Triển khai hiệu quả Kế hoạch tổng thể chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại giai đoạn 2026-2030; đa dạng hóa các chương trình xúc tiến thương mại với quy mô lớn, chuyên sâu theo từng ngành hàng tại các thị trường trọng điểm, đối với sản phẩm công nghệ cao và với các mặt hàng Việt Nam có thế mạnh tại các thị trường có FTA/CEPA, thị trường ngách và thị trường mới như: thị trường sản phẩm Halal, Ả Rập Xê Út, Ai Cập, UAE, Brazil, Bắc Phi, khối Trung Đông (GCC)...; phấn đấu sớm ký kết FTA với các nước khối Mercosur, Trung Đông (GCC) và các đối tác khác. Hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ công nghệ, tiêu chuẩn - quy chuẩn, sở hữu trí tuệ và năng lực làm chủ/đồng phát triển công nghệ khi tham gia chương trình xúc tiến. Tiếp tục đổi mới, thúc đẩy chuyển đổi số trong các hoạt động xúc tiến thương mại. Duy trì các hội nghị giao ban xúc tiến thương mại với hệ thống Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài; thường xuyên cập nhật thông tin về thị trường nước ngoài và khuyến nghị đối với các địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp.

đ) Thúc đẩy, tạo đột phá cho các động lực tăng trưởng mới, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử, các ngành, lĩnh vực, mô hình kinh doanh mới; khai thác không gian vũ trụ, không gian biển, không gian ngầm. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, tuần hoàn, phát thải các bon thấp, tiết kiệm tài nguyên, trách nhiệm phát triển bền vững đối với môi trường, xã hội, quản trị (ESG)... Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy sự hình thành, hoạt động và phát triển của các doanh nghiệp công nghiệp công nghệ số, tạo thêm nhiều “việc làm số”, trong đó có những doanh nghiệp hoạt động xử lý phát thải của hoạt động chuyển đổi số. Nghiên cứu về việc xây dựng, triển khai Kế hoạch tổng thể ứng dụng thương mại điện tử tại khu vực miền núi, biên giới giai đoạn 2027-2030.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050. Khẩn trương ban hành danh mục ngành kinh tế xanh tích hợp vào hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. Xây dựng, hoàn thiện chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào các dự án xanh. Nghiên cứu, triển khai các giải pháp góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh quốc gia.

e) Kịp thời có giải pháp quản lý, điều tiết sản xuất, ổn định cung cầu các mặt hàng, nhất là hàng hóa thiết yếu, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, an ninh năng lượng, cung ứng đủ điện, xăng dầu trong mọi tình huống.

g) Theo dõi sát tình hình, chủ động tiếp cận, nắm bắt, phân tích, đánh giá sự điều chỉnh trong chính sách thương mại của các nước lớn, kịp thời tham mưu, đề xuất các ứng xử phù hợp, thúc đẩy thương mại và xuất khẩu; hỗ trợ người dân, doanh nghiệp chuyển đổi thị trường, sản xuất kinh doanh, cơ cấu lại chuỗi cung ứng, sản xuất theo hướng tự chủ, bền vững và nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh. Triển khai hiệu quả Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt thúc đẩy hội nhập quốc tế đồng bộ, toàn diện và sâu rộng. Nghiên cứu xây dựng chương trình quốc gia nâng tỷ lệ nội địa hóa cho các ngành hàng; hướng dẫn doanh nghiệp và địa phương đáp ứng các tiêu chuẩn, yêu cầu của các

thị trường xuất khẩu. Nghiên cứu giải pháp khuyến khích lòng ghép văn hóa truyền thống đặc sắc, mang bản sắc của Việt Nam vào thiết kế sản phẩm gắn với hỗ trợ đăng ký bảo hộ, thương mại hóa và đảm bảo thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

Đẩy mạnh nhập khẩu có chọn lọc đối với nguyên liệu đầu vào, sản phẩm công nghệ cao, linh kiện, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất trong các lĩnh vực công nghệ bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa, máy móc, thiết bị và linh kiện, năng lượng tái tạo. Triển khai Chương trình vươn ra thị trường quốc tế (Go Global), tập trung hỗ trợ thị trường, thương hiệu, kênh phân phối, logistics, bảo hiểm, pháp lý, mua bán sáp nhập, kết nối với các tập đoàn đa quốc gia...

3. Tiếp tục hoàn thiện quy định về tổ chức bộ máy hành chính; tăng cường phân cấp, phân quyền, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi

a) Kịp thời tháo gỡ khó khăn, khắc phục những bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo trong các quy định liên quan đến hoạt động của bộ máy mới, nhất là cấp cơ sở. Tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc về nguồn lực, nhân lực, cơ sở vật chất, quy hoạch, chuyển đổi số, hệ thống cơ sở dữ liệu; chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; phân cấp, phân quyền tối đa cho các cấp và phân bổ nguồn lực gắn với trách nhiệm giải trình, nâng cao năng lực thực thi, tăng cường kiểm tra, giám sát; tăng cường tính chủ động, tự chủ, kiến tạo phát triển của địa phương trong chỉ đạo, điều hành theo thẩm quyền; phát triển, ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả đo bằng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Hoàn thiện, đưa vào khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính, đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia. Xây dựng các giải pháp đột phá, khả thi nâng cao năng lực tham mưu chiến lược, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức của các bộ, ngành Trung ương tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ của giai đoạn mới. Thực hiện việc đánh giá công chức theo tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ của công chức (KPI). Triển khai hiệu quả cơ chế thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và chính sách đối với người có tài năng.

b) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; kiên quyết khắc phục hiệu quả tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ sai, sợ trách nhiệm. Có cơ chế, chính sách đột phá để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có nền tảng vững chắc về tư tưởng chính trị, chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao, dám nghĩ, dám làm, dám đương đầu với khó khăn, thử thách; có khả năng tư duy độc lập, sáng tạo và dám đưa ra những giải pháp đột phá, nhất là trong xử lý những tình huống phức tạp, điểm nghẽn; có cơ chế, chính sách tạo động lực, bảo vệ cán bộ, công chức làm việc, cống hiến, vì lợi ích chung.

c) Thực hiện nghiêm Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm

toán, Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công. Thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030. Đẩy mạnh công tác giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra, nhất là các kết luận thanh tra đối với các dự án do Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo dõi, chỉ đạo. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy định của pháp luật về thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra, giải quyết, xử lý kịp thời tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tăng tỷ lệ thu hồi tiền và tài sản do vi phạm, tiêu cực, tham nhũng, trọng tâm là các nhiệm vụ thuộc “Đề án xây dựng cơ chế xử lý vật chứng tài sản bị tạm giữ, kê biên, phong tỏa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đối với các vụ án, vụ việc”.

Tập trung phòng, chống lãng phí trong toàn xã hội. Triển khai có hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo về phòng, chống lãng phí do Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban. Đẩy mạnh truyền thông, xây dựng văn hoá tiết kiệm, chống lãng phí, tiền độ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Thanh tra và xử lý nghiêm các vi phạm gây lãng phí lớn.

d) Thực hiện hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, phù hợp thực tế đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh tại cơ sở, không để phát sinh thành “điểm nóng”. Tập trung rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ khiếu kiện đông người, kéo dài, phức tạp, vượt cấp. Phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự, thi hành án hành chính năm 2026.

4. Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực chính, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế

a) Cơ cấu lại các ngành sản xuất và dịch vụ

- Về công nghiệp: Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại ngành công nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm các ngành công nghiệp có lợi thế. Năm 2026, phấn đấu tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số chiếm khoảng 14,5% GDP của cả nước. Ưu tiên phát triển, làm chủ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, các ngành, lĩnh vực công nghiệp mới nổi. Triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển ngành công nghiệp bán dẫn. Nghiên cứu xây dựng, triển khai các chính sách, giải pháp đồng bộ, khả thi, hiệu quả để phát triển công nghiệp hỗ trợ; tăng cường liên kết giữa khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực trong nước. Tiếp tục nâng cao năng lực thiết kế, thi công xây lắp, quản lý xây dựng các công trình hiện đại, phức tạp, quy mô lớn, chuẩn bị tốt nguồn lực để các nhà thầu trong nước có khả năng tham gia sâu và thực hiện trong quá trình xây dựng, vận hành, làm chủ công nghệ các dự án trọng điểm như đường sắt cao tốc Bắc- Nam, các tuyến đường sắt kết nối với Trung Quốc và dự án điện hạt nhân. Đẩy mạnh phân cấp cho các địa phương trong việc thẩm định dự án, thiết kế, dự toán, tháo gỡ các vướng mắc pháp lý trong thực hiện dự án. Nghiên

cứu, phát triển các sản phẩm vật liệu xây dựng xanh, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường, phát thải các-bon thấp, các loại vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng sử dụng cho các công trình ven biển và hải đảo. Xây dựng Chương trình phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp chiến lược; các đề án phát triển một số cụm liên kết ngành công nghiệp chuyên môn hóa và các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn, phát triển công nghiệp đường sắt, công nghiệp ứng dụng năng lượng nguyên tử, năng lượng xanh, năng lượng sạch, không gian vũ trụ, lượng tử... Đẩy nhanh tiến độ chấp thuận chủ trương đầu tư và triển khai dự án đầu tư các dự án sản xuất công nghiệp có quy mô lớn.

- Về nông nghiệp: Thực hiện Kết luận số 219-KL/TW ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, trách nhiệm theo hướng “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”. Phát triển sản xuất nông lâm thủy sản hàng hóa tích hợp đa giá trị, dựa trên lợi thế địa phương, theo hướng hiện đại có năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững và sức cạnh tranh cao, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng. Nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống, vai trò và vị thế của người tham gia sản xuất nông nghiệp; tạo việc làm phi nông nghiệp để phát triển sinh kế đa dạng, giảm nghèo bền vững cho người dân nông thôn. Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh. Triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035.

- Về dịch vụ: Cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại. Phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, có lợi thế cạnh tranh. Phát huy hiệu quả Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam và các khu thương mại tự do thế hệ mới tại một số địa phương.

Phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả, xanh, bền vững. Hình thành một số trung tâm dịch vụ du lịch với sản phẩm du lịch chất lượng cao, có thương hiệu và khả năng cạnh tranh gắn với hình ảnh chủ đạo, độc đáo, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc. Tiếp tục phát triển vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics, nhất là vận tải hàng không, vận tải biển; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, giảm chi phí logistics.

b) Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế quản lý thuế, nhất là đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh mới phát sinh trong nền kinh tế số, giao dịch xuyên biên giới; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống chuyển giá, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời, mở rộng cơ sở thuế.

c) Tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại đầu tư công (cả ngân sách trung ương và địa phương) tập trung bố trí vốn đầu tư công để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án quan trọng quốc gia, công trình, dự án lớn, có

tính liên vùng, liên quốc gia, quốc tế; chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội, dự án trọng điểm về công nghiệp quốc phòng, an ninh; các dự án cao tốc theo phân cấp, bố trí đủ vốn đối ứng ngân sách địa phương để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định. Tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước theo phương thức đối tác công tư. Đổi mới, nâng cao vai trò công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong hoạt động quản lý đầu tư. Công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra, phòng, chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí.

d) Triển khai quyết liệt các giải pháp cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân, tăng vốn cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại nhà nước. Tích cực xử lý các tổ chức tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân yếu kém, tổ chức thực hiện hiệu quả phương án cơ cấu lại các ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt. Tăng cường, nâng cao hiệu quả giám sát hoạt động các tổ chức tín dụng, nhất là các tổ chức tín dụng yếu kém. Nâng cao chất lượng tín dụng, tăng cường xử lý nợ xấu, hạn chế nợ xấu mới phát sinh. Triển khai quyết liệt Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện cam kết của Việt Nam về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Tiếp tục triển khai các giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt và đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật trong hoạt động ngân hàng.

đ) Phát triển kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, góp phần quan trọng ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; khuyến khích đối tác công tư. Nâng cao hiệu quả đầu tư, hoạt động của doanh nghiệp nhà nước một cách toàn diện, minh bạch, hiệu quả, bền vững, bảo đảm tương xứng với nguồn lực nắm giữ thông qua đổi mới quản trị, tối ưu hoá các phương thức sản xuất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng đổi mới công tác cán bộ, tuyển dụng, thuê nguồn nhân lực chất lượng cao.

Triển khai hiệu quả Đề án phát triển kinh tế nhà nước, Phương án sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước ngay sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về sắp xếp, cổ phần hóa, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ. Tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng, khai thác, xử lý nhà đất của các doanh nghiệp nhà nước theo quy định pháp luật về đất đai, quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

e) Quyết liệt chỉ đạo, xử lý dứt điểm các vấn đề tồn đọng, kéo dài. Tập trung rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các dự án; triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án. Phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo về giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc các dự án tồn đọng.

g) Tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp tư nhân thực sự là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về phát triển kinh tế tư nhân. Phấn đấu năm 2026, tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP đạt khoảng 55%.

h) Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năng động, hiệu quả góp phần tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và bảo đảm an sinh xã hội. Tăng cường liên kết giữa tổ chức kinh tế tập thể với các thành phần kinh tế khác.

5. Tập trung đầu tư xây dựng, bảo đảm tiến độ các công trình hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, thông minh, kết nối quốc gia, quốc tế, nhất là các công trình giao thông trọng điểm, hệ thống đường sắt, hệ thống sân bay quốc tế, hệ thống cảng biển, hạ tầng năng lượng; thúc đẩy phát triển các dự án có tính liên vùng và hạ tầng đô thị lớn, hạ tầng chuyển đổi số; điều chỉnh quy hoạch phù hợp với bối cảnh mới.

a) Xây dựng và chuẩn bị tốt các công trình, dự án, nhất là các dự án trọng điểm quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 để triển khai ngay Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 sau khi được thông qua. Bảo đảm tiến độ triển khai tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, các tuyến đường sắt đô thị Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; hoàn thành khảo sát, thiết kế các tuyến đường sắt kết nối khu vực, quốc tế, một số đoạn tuyến trên đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam; đầu tư phát triển hệ thống đường bộ, đường cao tốc kết nối các vùng, miền và với các nước láng giềng; các dự án vành đai vùng thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu triển khai giai đoạn 2, Cảng hàng không quốc tế Long Thành; bảo đảm tiến độ xây dựng Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, triển khai Dự án sân bay Thổ Chu (An Giang)... Khẩn trương triển khai dự án cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ, cảng Hòn Khoai và một số cảng biển tiềm năng khác.

b) Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các dự án hạ tầng quy mô lớn; bảo đảm nguồn cung nguyên vật liệu, kiểm soát giá nguyên vật liệu, chỉ tiêu sử dụng đất. Có giải pháp đột phá, thiết thực, hiệu quả, nhất là cơ chế chính sách để thu hút đầu tư các dự án kết cấu hạ tầng theo phương thức đối tác công tư. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện, bổ sung các định mức xây dựng để phục vụ các dự án trọng điểm của ngành giao thông, suất vốn đầu tư và giá xây dựng tổng hợp để phục vụ công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng, đặc biệt là đối với các dự án đường sắt đô thị, đường sắt tốc độ cao. Khẩn trương triển khai thu phí các đường cao tốc để có nguồn lực tiếp tục đầu tư hạ tầng chiến lược.

c) Phát triển hạ tầng năng lượng đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế; tiếp tục thực hiện hiệu quả các Chiến lược, Quy hoạch quốc gia trong lĩnh vực năng lượng; xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù vượt trội để thu hút và triển khai các dự án năng lượng quan trọng, cấp bách của quốc gia; bảo đảm tiến độ dự án Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 và Ninh Thuận 2. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu, trọng tâm là các công trình thủy lợi phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa, thể thao, giáo dục, y tế trọng điểm quốc gia mang tầm khu vực, quốc tế. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các dự án hạ tầng quy mô lớn, đặc biệt là trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư; bảo đảm nguồn cung nguyên vật liệu, kiểm soát giá nguyên vật liệu, chỉ tiêu sử dụng đất để đẩy nhanh tiến độ các dự án. Khai thác hiệu quả, mở rộng không gian phát triển mới như không gian biển, không gian vũ trụ, không gian kinh tế tầm thấp, không gian ngầm, lấy đô thị làm động lực phát triển,... với

tinh thần “vươn ra” biển lớn, “tiến sâu vào” lòng đất và “bay cao lên” vũ trụ.

d) Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật số đồng bộ, hiện đại. Đẩy mạnh thương mại hoá 5G; nghiên cứu công nghệ 6G; phát triển vệ tinh viễn thông. Tổ chức thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích. Phát triển, hoàn thiện, tối ưu hoá các nền tảng theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia. Nâng tỷ lệ sử dụng địa chỉ thế hệ mới IPv6 trên mạng Internet Việt Nam lên 72% vào năm 2026. Xây dựng Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước trở thành hạ tầng thông tin đặc biệt, hiện đại, thống nhất, dùng chung toàn hệ thống chính trị từ Trung ương đến cấp xã.

đ) Chú trọng phát triển hạ tầng văn hoá, giáo dục, y tế, ứng phó với biến đổi khí hậu. Phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Các công trình thủy lợi, đê kè, hồ đập, hồ chứa thủy lợi, các khu vực sạt lở... thường xuyên chịu ảnh hưởng lũ lụt, xung yếu, bị hư hại, có rủi ro, nguy cơ mất an toàn; tiêu, thoát nước cho vùng công nghiệp và đô thị. Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng thủy sản; hạ tầng thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, hạ tầng giống nông lâm nghiệp, các công trình cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt khu vực nông thôn, đảm bảo người dân tại nông thôn được cấp đầy đủ nước sạch.

6. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nguồn nhân lực trong lĩnh vực chip, bán dẫn gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

a) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; tạo chuyên biến rõ nét về chất lượng giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp học. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện chế độ, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, nhân viên ngành giáo dục; tổ chức thi hành hiệu quả Luật Nhà giáo, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi), Luật Giáo dục đại học (sửa đổi). Rà soát, hoàn thiện Chương trình giáo dục phổ thông; tập trung xây dựng, bảo đảm cung cấp một bộ sách giáo khoa thống nhất toàn quốc sử dụng từ năm học 2026 - 2027. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2035. Nâng cao năng lực ngoại ngữ cho người học, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Đào tạo, trang bị kiến thức cơ bản về văn hóa, nghệ thuật và tăng cường hoạt động thể dục, thể thao, nâng cao thể chất cho học sinh. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên; đẩy mạnh triển khai xây dựng văn hoá học đường.

b) Đẩy mạnh phát triển giáo dục nghề nghiệp, gắn kết công tác đào tạo nghề với thị trường lao động, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao. Thực hiện kế hoạch triển khai Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp thông qua kiểm soát chất lượng đào tạo và sau đào tạo; xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia. Tăng cường phối hợp giảng dạy văn hóa bậc trung

học phổ thông trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ và năng lực chuyển đổi số cho nhà giáo, người dạy nghề, chuyên gia cho các ngành, nghề trọng điểm; nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp theo hướng hiện đại, chất lượng cao. Triển khai hiệu quả Đề án Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao người dân tộc thiểu số trong một số ngành lĩnh vực trọng điểm giai đoạn 2026-2035, tầm nhìn 2045; hoàn thành xây dựng 100 trường phổ thông nội trú liên cấp tại các xã biên giới.

Đẩy mạnh hợp tác doanh nghiệp trong công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo và giải quyết việc làm, tạo ra các mô hình gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp và thị trường lao động theo vùng, địa phương, các trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm; chú trọng gắn kết đào tạo với việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Xây dựng dự báo về nhu cầu đào tạo giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là ngành nghề khoa học - kỹ thuật - công nghệ.

c) Tập trung thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm và trường đại học, viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu mạnh; có chính sách ưu đãi đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu phát triển khoa học và công nghệ, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, trích lập và sử dụng hiệu quả quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, nhất là đầu tư phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ xanh, công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, sản xuất chip bán dẫn. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong xử lý tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước. Xây dựng các chương trình, đề án nghiên cứu khoa học mang tính đột phá, tập trung vào 11 nhóm ngành công nghệ chiến lược. Xây dựng các cơ sở nghiên cứu và phát triển các ngành công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ số, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghiệp điện tử, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học.

Thúc đẩy phát triển thị trường khoa học, công nghệ đồng bộ, hiệu quả, hiện đại và hội nhập; chuẩn hoá việc đăng ký, báo cáo và theo dõi hợp đồng chuyển giao công nghệ; tăng cường vai trò tổ chức trung gian, sàn giao dịch khoa học và công nghệ, dịch vụ định giá - thẩm định công nghệ; hình thành hệ thống dữ liệu thị trường công nghệ phục vụ quản lý và kết nối cung - cầu, thúc đẩy thương mại hoá kết quả nghiên cứu. Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, phong trào khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia; phát huy hiệu quả của Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia; duy trì thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII). Phát huy hiệu quả các mạng lưới đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước, mạng lưới kết nối nhân tài người Việt Nam; thu hút nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài và các chuyên gia nước ngoài tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tại Việt Nam. Đổi mới sáng tạo phải tạo ra phong trào của toàn dân, chuyển đổi số phải xây dựng Quốc gia số, Chính phủ số.

Đẩy mạnh các hoạt động về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá. Thúc đẩy bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, phát triển và khai thác tài sản trí tuệ; tăng cường năng lực xử lý đơn bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp. Tiếp tục nghiên cứu, triển khai ứng dụng rộng rãi các giải pháp, công nghệ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử vì mục đích hoà bình.

d) Đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia một cách sâu rộng, toàn diện, bứt phá, nhất là xây dựng thể chế số thông thoáng, hạ tầng số hiện đại, nền kinh tế số rộng khắp, nhân lực số chất lượng cao, bảo đảm an ninh, an toàn mạng. Tập trung số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số. Tiếp tục quyết liệt triển khai thực hiện Đề án 06.

Phát triển hạ tầng số quốc gia, nhất là xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia, xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành. Xây dựng đồng bộ cơ sở dữ liệu trên các lĩnh vực, đưa dữ liệu thành tài nguyên. Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hóa và dựa trên dữ liệu. Đẩy mạnh triển khai có hiệu quả việc chuyển giao một số nhiệm vụ mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện, giao cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ công ích đảm nhiệm việc hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, số hóa, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; hướng dẫn, hỗ trợ việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp. Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận một cửa các cấp, đặc biệt các Trung tâm phục vụ hành chính công tại các địa phương; tăng cường thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Phấn đấu năm 2026, nước ta thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN trong xếp hạng Chính phủ điện tử.

7. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội

a) Quan tâm, ưu tiên nguồn lực bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các vùng miền, nhất là các di sản thế giới, di sản cấp quốc gia đặc biệt. Tổ chức triển khai đồng bộ Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ưu tiên hoàn thiện thể chế, khuyến khích đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp văn hóa; mở rộng thị trường, thúc đẩy thương mại hóa sản phẩm văn hóa và tăng cường liên kết giữa các ngành công nghiệp văn hóa. Phát triển đồng bộ hệ sinh thái công nghiệp văn hóa, chú trọng xây dựng chuỗi giá trị sáng tạo từ ý tưởng, sản xuất, phân phối và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; phát triển nguồn nhân lực cho các ngành công nghiệp văn hóa; khuyến khích hình thành các khu, trung tâm công nghiệp văn hóa tại các đô thị lớn. Chú trọng xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035. Tập trung thực hiện đầy đủ các hợp phần của Chương trình, bao gồm hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở; bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, công nghiệp văn hóa; mở rộng cơ hội thụ hưởng văn hóa cho người dân, đặc biệt tại vùng sâu, vùng

xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phát triển mạnh công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí; tạo lập môi trường thúc đẩy đầu tư phát triển công nghiệp văn hóa chuyên nghiệp, hiện đại, năng động, sáng tạo, đa dạng, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Phát triển những sản phẩm, loại hình văn hoá độc đáo có sức lan tỏa để quảng bá, giới thiệu ra thế giới. Thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hoá giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, miền và các giai tầng xã hội.

Tiếp tục triển khai hiệu quả Kết luận số 70-KL/TW của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới, Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, các hoạt động chuyển đổi số trong lĩnh vực thể dục thể thao giai đoạn 2026-2030. Tiếp tục đẩy mạnh Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, tạo thành hoạt động sôi nổi, rộng khắp, thiết thực từ cộng đồng dân cư; tăng trưởng thực chất, bền vững số lượng người tập thể dục, thể thao thường xuyên, số câu lạc bộ thể dục, thể thao. Chuẩn bị lực lượng cho Đoàn Thể thao Việt Nam tham dự các Đại hội Thể thao Đông Nam Á, Châu Á, thế giới tổ chức trong năm 2026 đạt kết quả tốt nhất.

b) Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Chi trả trợ cấp ưu đãi người có công không dùng tiền mặt và chi trả thông qua tổ chức dịch vụ có kinh nghiệm chi trả, mạng lưới bao phủ 100% địa bàn xã/phường phù hợp với đặc thù người hưởng và điều kiện của địa phương; xây dựng cơ sở dữ liệu về người có công. Thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, điều dưỡng người có công, các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ, người có công”. Tiếp tục quan tâm hỗ trợ nhà ở cho người có công; tập trung triển khai Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ. Tu sửa, nâng cấp mộ liệt sĩ, các công trình nghĩa trang liệt sĩ, đài tưởng niệm, ghi công liệt sĩ. Triển khai quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội theo hướng toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững. Áp dụng mã số an sinh xã hội cho người dân, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về chính sách xã hội; nâng cao nhận thức và kỹ năng bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn giao dịch trên môi trường mạng cho người dân; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ xã hội trên nền tảng số... Tiếp tục thực hiện đồng bộ, đầy đủ, kịp thời các chương trình, đề án, chính sách về trợ giúp xã hội, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng. Chi trả trợ giúp xã hội thông qua tổ chức dịch vụ có kinh nghiệm, mạng lưới bao phủ 100% địa bàn xã/phường phù hợp với đặc thù người hưởng và điều kiện của địa phương. Theo dõi sát tình hình, chỉ đạo các địa phương rà soát, trợ giúp xã hội dịp Tết Nguyên đán, giáp hạt năm 2026; tổ chức cứu trợ đột xuất kịp thời khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra.

Thực hiện hiệu quả Luật người cao tuổi, Luật Người khuyết tật, chính sách hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật, phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí. Phấn đấu hết năm 2026 có 96% người cao tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, khám, chữa bệnh, chăm

sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập.

d) Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo. Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách giảm nghèo, tránh chồng chéo, trùng lặp, gắn với mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dần và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân, đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ban hành chính sách hỗ trợ có điều kiện, tăng cường tín dụng chính sách xã hội cho người nghèo, từng bước xóa bỏ chính sách “cho không”, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng. Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, phát triển đa dạng các mô hình sản xuất có sự tham gia của hộ nghèo, cận nghèo; hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với người nghèo, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi.

đ) Tiếp tục hoàn thiện các quy định trong lĩnh vực tiền lương, bảo hiểm xã hội, lao động, quan hệ lao động đáp ứng yêu cầu của cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế; tập trung triển khai Nghị quyết số 28-NQ/TW của Trung ương Đảng về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội; Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới, từng bước mở rộng vững chắc diện bao phủ bảo hiểm xã hội, xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng đảm bảo an sinh xã hội bền vững. Khẩn trương hoàn thành, ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15. Tỷ lệ người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội đến 2026 đạt 42%. Triển khai hiệu quả các Kết luận số 83-KL/TW ngày 21 tháng 6 năm 2024, số 206/KL-BCT ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị về cải cách chính sách tiền lương, tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang sau sắp xếp tổ chức bộ máy và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

e) Tăng cường kết nối cung cầu, phát triển thị trường lao động; làm tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động và tăng cường quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam. Thúc đẩy tạo việc làm bền vững, sử dụng lao động hiệu quả; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án về hỗ trợ giải quyết việc làm trong nước; giám sát, đánh giá hoạt động vay vốn, nâng cao hiệu quả cho vay giải quyết việc làm; chú trọng giải quyết việc làm cho thanh niên, lao động yếu thế và lao động nữ; chuyển dịch nhanh lao động có việc làm phi chính thức sang việc làm chính thức, hỗ trợ lao động di cư từ nông thôn ra thành thị, các khu công nghiệp và lao động vùng biên, lao động người dân tộc thiểu số.

Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức dịch vụ việc làm; đầu tư phát triển hệ thống tổ chức dịch vụ việc làm công lập, thiết lập cơ chế để các tổ chức dịch vụ việc làm công lập trở thành định chế thực thụ của thị trường lao động, đồng thời là công cụ quản lý nhà nước hiệu quả, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động. Nâng cao năng lực và tăng cường công tác dự báo thị trường lao động, nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ban Bí thư. Ổn định, duy trì các thị trường truyền thống, mở rộng thị trường có thu nhập cao, phù hợp với trình độ, kỹ năng của người lao động; năm 2026, đưa khoảng 112 nghìn người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Hướng dẫn các doanh nghiệp chủ động chuẩn bị nguồn lao động, thực hiện tốt việc bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Theo dõi, nắm thông tin về lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh.

Làm tốt công tác quản lý, cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Ban Bí thư về thu hút, quản lý và sử dụng hiệu quả lao động nước ngoài tại Việt Nam. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát xây dựng thu thập thông tin về người lao động làm cơ sở quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác.

Theo dõi, nắm bắt tình hình, quan hệ lao động, hỗ trợ các bên đối thoại, thỏa thuận khắc phục khó khăn, bảo đảm quyền lợi theo quy định; triển khai các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tranh chấp lao động, đình công và hỗ trợ giải quyết các vụ việc phát sinh. Triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động trong tình hình mới.

g) Triển khai thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới. Tập trung thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045; Đề án "Đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030" và các chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương. Phấn đấu năm 2026 hoàn thành trên 110 nghìn căn hộ nhà ở xã hội.

h) Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ miễn, giảm chi phí cho một số đối tượng chính sách, người nghèo, người yếu thế trong khám, chữa bệnh; phấn đấu đến năm 2030 người dân được miễn viện phí ở mức cơ bản trong phạm vi quyền lợi bảo hiểm y tế theo lộ trình. Hoàn thành xây dựng Đề án thành lập cơ quan thực hiện chức năng kiểm soát dịch bệnh ở Trung ương. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035.

Nâng cao năng lực y tế cơ sở, y tế dự phòng, dự báo, giám sát và phát hiện sớm, khống chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng. Triển khai lộ trình tăng số lượng vắc-xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng giai đoạn 2021-2030; thực hiện tốt Kế hoạch tiêm chủng mở rộng năm 2026. Tăng cường quản lý các bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần, an toàn thực phẩm, môi trường y tế, sức khỏe học đường, bệnh nghề nghiệp, tai nạn

thương tích và nâng cao sức khỏe người dân. Đẩy mạnh các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh ở tất cả các tuyến; nâng cao tỷ lệ hài lòng của người dân. Tập trung mở rộng hoạt động khám, chữa bệnh từ xa, ngay từ cơ sở, tăng cường chỉ đạo, chuyển giao kỹ thuật, kịp thời hỗ trợ cho các cơ sở y tế tuyến dưới. Tiếp tục thực hiện các chương trình, đề án về công tác dân số; trọng tâm là Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030; Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030... Quan tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, bà mẹ, trẻ em, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Phát triển y, dược học cổ truyền.

Tăng cường quản lý, cấp phép, gia hạn, bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vắc-xin, thiết bị y tế có chất lượng, an toàn, hiệu quả, giá hợp lý cho công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân, phòng chống thiên tai, thảm họa và các tình huống khẩn cấp. Tăng cường quản lý giá thuốc, đảm bảo thị trường được phẩm được duy trì bình ổn. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp dược, dược liệu, sản xuất thiết bị y tế trong nước. Tập trung rà soát, giám sát công tác quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế, khu vực lân cận, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt quy chuẩn trên 98%.

Tăng cường đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực phát triển hệ thống y tế, tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện tính chi phí quản lý vào giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Hoàn thiện các quy định liên quan đến đặc thù đào tạo nhân lực y tế, ban hành các chuẩn năng lực nghề nghiệp, chuẩn chương trình đào tạo; tăng cường quản lý chất lượng, hỗ trợ đào tạo cho nhân lực y tế khu vực khó khăn. Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn quản lý sức khỏe điện tử, sổ khám chữa bệnh điện tử, ứng dụng khám chữa bệnh từ xa đến từng người dân. Nghiên cứu, đề xuất chế độ, chính sách đãi ngộ xứng đáng với yêu cầu nhiệm vụ, đặc thù công việc của ngành y tế; nghiên cứu cơ chế bảo vệ an toàn cho cán bộ ngành y tế trong khi thi hành nhiệm vụ.

i) Tập trung cải thiện đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng biên giới, hải đảo, vùng khó khăn; triển khai đồng bộ, hiệu quả các chiến lược, chương trình, đề án, dự án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Quan tâm hơn nữa đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện tốt mục tiêu đại đoàn kết toàn dân tộc. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc các cấp; tăng cường tuyên truyền, vận động, phổ biến, giáo dục pháp luật, cải cách hành chính đối với công tác, chính sách dân tộc. Thực hiện tốt các chính sách, pháp luật về tôn giáo, tín ngưỡng; tăng cường bảo đảm an ninh tôn giáo; bảo đảm các tổ chức tôn giáo hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, hiến chương, điều lệ đã được Nhà nước công nhận; phòng ngừa, đấu tranh, phản bác với các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc; tăng cường tuyên truyền, vận động, phổ biến chính sách pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo cho phát triển.

k) Tiếp tục xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh để phát triển trẻ em toàn diện, bảo đảm thực hiện ngày càng tốt hơn quyền của trẻ em. Bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; kiểm soát và giảm số lượng trẻ em bị xâm hại, tai nạn, thương tích, bạo lực học đường, đuối nước, tai nạn giao thông...; thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam và các chương trình, đề án phát triển thanh niên giai đoạn 2021 - 2030.

Thúc đẩy bình đẳng giới vì sự tiến bộ của phụ nữ; bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực; phòng chống bạo lực gia đình. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030, các chương trình, đề án thúc đẩy bình đẳng giới.

l) Nâng cao hiệu quả phòng, chống tệ nạn xã hội. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030. Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật, chương trình, đề án về cai nghiện ma túy, phòng, chống mại dâm, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán; nghiên cứu, đề xuất Dự án sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm.

8. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm thiểu rủi ro thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường

a) Phát huy tối đa hiệu quả của các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; sử dụng hợp lý và hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Kiểm soát mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học; bảo đảm chất lượng môi trường sống, duy trì cân bằng hệ sinh thái, từng bước xây dựng nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính.

b) Quyết liệt triển khai các chiến lược, kế hoạch, chương trình hành động thực hiện các sáng kiến, cam kết của Việt Nam tại COP26 và COP28. Tập trung thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đề xuất phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tổ chức vận hành thí điểm thị trường các-bon đối với một số lĩnh vực cụ thể.

Khẩn trương xây dựng Đề án xử lý cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường không khí tại Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; tiếp tục rà soát, điều chỉnh phù hợp lộ trình áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đang lưu hành ở Việt Nam; quyết liệt xử lý ô nhiễm dòng sông, bờ sông gắn với xây dựng và quản lý đô thị xanh, sạch, đẹp, hiện đại, văn minh. Nâng cao năng lực dự báo, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, giảm thiểu thiệt hại và đảm bảo an toàn tính mạng cho Nhân dân. Triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phòng chống ngập lụt cho các thành phố lớn, nhất là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh và các địa điểm là di sản văn hóa thế giới; Chương trình phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Chương trình phòng, chống lũ lụt, sạt lở vùng

Trung du và miền núi phía Bắc; nghiên cứu đầu tư xây dựng hồ chứa lớn tại Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ, đồng bằng sông Cửu Long.

c) Hoàn thiện thể chế, hành lang pháp lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và có giải pháp huy động nguồn lực tài chính từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản, nhất là khoáng sản chiến lược, không để thất thoát, lãng phí, lợi ích nhóm; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, xây dựng cơ sở dữ liệu về địa chất, khoáng sản. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tại các địa phương và tích hợp dữ liệu lên cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; hoàn thiện hệ thống bản đồ số địa chính trên toàn quốc (100% xã có bản đồ địa chính); xây dựng nền tảng chia sẻ thông tin đất đai trực tuyến. Hoàn thiện và hoạt động sản giao dịch bất động sản. Kiểm soát chặt chẽ, công khai, minh bạch trong việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, bảo đảm quyền lợi hợp pháp, hoạt động sản xuất và đời sống của người có đất thu hồi. Đẩy mạnh quản lý rác thải nhựa, rác thải điện tử, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại; phát triển công nghiệp môi trường, dịch vụ bảo vệ môi trường và tái chế chất thải. Xây dựng Chiến lược quốc gia về đất hiếm; đẩy nhanh công tác hoạch định và thực hiện công tác quản lý khai thác và sử dụng đất hiếm phục vụ sản xuất.

d) Tập trung thực hiện hiệu quả các chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo. Đẩy mạnh phát triển nuôi trồng trên biển theo quy mô công nghiệp; giảm dần sản lượng khai thác ven bờ, nâng cao hiệu quả khai thác xa bờ phù hợp với trữ lượng nguồn lợi, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), quyết liệt gỡ “thẻ vàng” của Ủy ban Châu Âu. Tiếp tục triển khai đầu tư hình thành các Trung tâm nghề cá lớn. Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

đ) Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập, chủ động tích trữ, quản lý, phân phối, khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn nước; ngăn chặn và phục hồi suy giảm, ô nhiễm tài nguyên nước. Quản trị tích hợp tài nguyên nước trên nền tảng số, thúc đẩy phát triển hệ thống dữ liệu liên thông, giám sát - cảnh báo sớm. Tiếp tục theo dõi, giám sát vận hành các hồ chứa theo quy trình vận hành liên hồ, đảm bảo 100% hồ chứa được kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu hằng ngày. Xây dựng, triển khai các quy hoạch tại lưu vực sông Ba, Vu Gia - Thu Bồn; lưu vực sông Cả, Trà Khúc, Kôn - Hà Thanh thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo dõi, giám sát biến động về dòng chảy, chất lượng nước đối với các nguồn nước liên quốc gia; đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia thượng nguồn và các tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước ở lưu vực các dòng sông xuyên biên giới, nhất là sông Mê Công và sông Hồng.

e) Tiếp tục hiện đại hóa mạng lưới khí tượng thủy văn, nâng cao năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo, nhất là thiên tai liên quan đến bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, sạt lở đất, cấp báo động lũ đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Nghiên cứu, đề xuất giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

g) Bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng hiện có,

duy trì độ che phủ rừng ở mức trên 42%; phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng; đẩy mạnh triển khai dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu tác động tiêu cực do thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính, hấp thụ, lưu giữ các-bon từ rừng.

h) Nâng cấp, nhân rộng các chuỗi cung ứng nông, lâm, thủy sản an toàn, phát triển các chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản bền vững; tiếp tục thực hiện các chương trình giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản; kịp thời cảnh báo, kiểm tra, xử lý vi phạm; tăng cường hoạt động “hậu kiểm”; chủ động xử lý sự cố mất an toàn thực phẩm và kịp thời kiểm tra, xác minh, cung cấp thông tin đầy đủ, minh bạch và chính xác cho người tiêu dùng.

9. Tăng cường liên kết vùng, thực hiện hiệu quả quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hoá và kinh tế đô thị

a) Nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành các nghị quyết (hoặc kết luận) về 6 vùng kinh tế - xã hội. Kiện toàn và phát huy vai trò của các Hội đồng điều phối vùng; triển khai hiệu quả các quy hoạch vùng kinh tế - xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Rà soát, hoàn thiện, phê duyệt, trình phê duyệt việc điều chỉnh các quy hoạch vùng phù hợp với điều chỉnh phân vùng mới, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch cấp tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và tổ chức triển khai hiệu quả ngay sau khi được phê duyệt.

b) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nghiên cứu, đề xuất Chương trình quốc gia về cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị và phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị giai đoạn 2026-2030 và Đề án xây dựng, phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển khu du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện theo đúng lộ trình và có hiệu quả Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030; Đề án phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030.

10. Tăng cường, củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; tiếp tục xây dựng và củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận lòng dân vững chắc; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội

a) Thực hiện tốt chức năng tham mưu chiến lược cho Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng. Chủ động nghiên cứu, nắm chắc, đánh giá, dự báo đúng tình hình, kịp thời tham mưu, xử lý thắng lợi các tình huống, không để bị động bất ngờ. Tập trung xây dựng quân đội, công an “tinh, gọn, mạnh” với trọng tâm là nâng cao chất lượng huấn luyện, khả năng chiến đấu và sự linh hoạt trong tác chiến và hướng về cơ sở.

Tiếp tục củng cố nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, phòng thủ quân khu, phòng thủ khu vực các cấp vững chắc; triển khai các đề án cải cách tư pháp, xây

dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại... Nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân. Chủ động xây dựng phương án tác chiến phù hợp với tình hình thực tiễn. Thường xuyên nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cao, quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa, không gian mạng, nhất là các địa bàn chiến lược, trọng điểm, bảo vệ vững chắc chủ quyền, lãnh thổ, lợi ích quốc gia - dân tộc. Tăng cường luyện tập và tổ chức lực lượng ứng trực, đấu tranh phù hợp với các tình huống. Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; kiểm soát chặt chẽ hoạt động xuất, nhập cảnh. Phối hợp chặt chẽ với các ban, bộ, ngành Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo công tác quốc phòng, phát huy sức mạnh tổng hợp, huy động hiệu quả các nguồn lực, xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân vững mạnh. Xây dựng công nghiệp quốc phòng, an ninh hiện đại, lưỡng dụng; nghiên cứu phát triển các công nghệ quốc phòng, an ninh hiện đại; thương mại hóa các sản phẩm quốc phòng, an ninh mà Việt Nam sản xuất được. Thực hiện tốt chủ trương kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh trên từng địa bàn và cả nước.

Chỉ đạo chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện, phương án phòng thủ dân sự, ứng phó kịp thời, hiệu quả các thách thức an ninh phi truyền thống. Xây dựng, ban hành các văn bản, kế hoạch, chương trình cấp quốc gia; phối hợp nghiên cứu, nắm vững tình hình thiên tai, địa chất để có phương án chủ động ứng phó với các tình huống. Thực hiện tốt công tác hợp tác quốc tế về ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn, khắc phục hậu quả chiến tranh, rà phá bom, mìn, xử lý chất độc hóa học, các hoạt động gìn giữ hòa bình Liên Hợp quốc.

b) Giữ vững an ninh quốc gia trong mọi tình huống; chuyển biến tích cực về trật tự an toàn xã hội. Bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội quan trọng, đặc biệt là Đại hội Đảng XIV, bầu cử Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, các Hội nghị Trung ương, các kỳ họp Quốc hội...

Tăng cường công tác nắm tình hình liên quan đến an ninh, trật tự, nhất là tác động đến an ninh, lợi ích quốc gia Việt Nam để kịp thời tham mưu với Đảng, Nhà nước các chủ trương, chính sách, tuyệt đối không để bị động, bất ngờ về chiến lược, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa. Chủ động nâng cao chất lượng công tác nắm, phân tích, dự báo tình hình, tham mưu chiến lược từ sớm, từ xa, nhất là sự điều chỉnh chính sách của các nước lớn tác động đến lợi ích, an ninh quốc gia Việt Nam. Tập trung đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa âm mưu, hoạt động tình báo, gián điệp, hoạt động khủng bố, phá hoại, kích động biểu tình gây rối an ninh trật tự. Làm tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; bảo đảm an ninh thông tin truyền thông, an ninh mạng, an ninh kinh tế. Tăng cường bảo đảm an ninh tôn giáo; chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vụ tranh chấp, khiếu kiện, nhất là các vụ việc liên quan đến đất đai, tôn giáo, dân tộc, không để kẻ địch lợi dụng chống phá, không để hình thành “điểm nóng” về an ninh trật tự. Bảo đảm an ninh, trật tự các địa bàn chiến lược Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ.

Tập trung nhận diện, chủ động giải pháp kiềm chế, kéo giảm tội phạm bền vững. Trấn áp mạnh, quyết liệt các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm giết người, lừa đảo chiếm đoạt tài sản; cướp ngân hàng, tiệm vàng; tội phạm đánh bạc; hoạt động “tín dụng đen”; tội phạm liên quan đến thanh, thiếu niên; tội phạm mua bán người; các đường dây mua bán, vận chuyển ma túy xuyên quốc gia, các tụ điểm phức tạp về ma túy trong nước; xử lý nghiêm tội phạm và các vi phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng môi trường, tội phạm sử dụng công nghệ cao, lừa đảo trên không gian mạng, nhất là các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự theo hướng tạo điều kiện thuận lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, trật tự đô thị, phòng cháy, chữa cháy. Triển khai đồng bộ các biện pháp hạn chế tình trạng ùn tắc giao thông tại các thành phố lớn, tuyến giao thông trọng điểm; xử lý nghiêm hành vi vi phạm về nồng độ cồn, sử dụng ma túy khi điều khiển phương tiện giao thông.

11. Triển khai đồng bộ, hiệu quả, toàn diện công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các nguồn lực để phục vụ phát triển đất nước, củng cố và nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam.

Kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa. Nắm chắc diễn biến tình hình khu vực và thế giới, chủ động các giải pháp ứng phó kịp thời, phù hợp, không để bị động, bất ngờ. Triển khai đồng bộ, hiệu quả, toàn diện công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế theo tinh thần của Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 25/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Tăng cường điều phối thống nhất quản lý đối ngoại, vận hành thông suốt, hiệu quả bộ máy đối ngoại và hội nhập quốc tế. Cụ thể hóa các văn kiện, đường lối, chủ trương đối ngoại được thông qua tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Chủ động, tích cực đóng góp vào hòa bình, hữu nghị hợp tác và phát triển bền vững trên tinh thần là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế; tham gia chủ động, có trách nhiệm và giải quyết các vấn đề chung của khu vực và quốc tế.

Đẩy mạnh phối hợp nhuần nhuyễn, thông suốt và có sự phân vai chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các trụ cột đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân và giữa các lực lượng làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế của các bộ ngành, địa phương trong tổ chức triển khai đường lối đối ngoại của đảng và nhà nước. Tiếp tục đưa quan hệ với các nước đi vào chiều sâu, ổn định, thực chất, bền vững, lâu dài, tạo lập đột phá. Nghiên cứu nâng cấp quan hệ với một số đối tác vào thời điểm thích hợp. Tiếp tục kiên quyết, kiên trì đấu tranh, bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, các quyền và lợi ích hợp pháp của ta trên biển, xử lý thỏa đáng các vụ việc phát sinh; tăng cường hợp tác quốc tế nhằm duy trì hòa bình, ổn định và phát triển trên các vùng biển và biên giới đất liền, tuân thủ luật pháp quốc tế và các thỏa thuận, văn kiện pháp lý với các đối tác.

Đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế và kinh tế đối ngoại với các hướng đi mới, cách làm mới đột phá để thu hút nguồn lực phục vụ phát triển, trọng tâm là ngoại giao công nghệ. Xây dựng kế hoạch và tích cực triển khai có trọng tâm, trọng điểm các hoạt động ngoại giao chuyên ngành, nhất là công nghệ, bán dẫn, chuyển đổi số, năng lượng mới, khoáng sản chiến lược gắn với yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, phát huy các động lực mới cho giai đoạn tăng trưởng đột phá, đưa nền kinh tế vào vị trí cao hơn trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Tranh thủ hiệu quả mạng lưới FTA đã ký kết, đặc biệt là EVFTA, RCEP, CPTPP, UKVFTA, các FTA giữa ASEAN và đối tác; thúc đẩy nâng cấp các hiệp định đã là thành viên, đàm phán, ký kết các khuôn khổ hợp tác mới, nghiên cứu khả năng tham gia các sáng kiến liên kết kinh tế mới nhằm bảo đảm lợi ích của đất nước. Tăng cường thu hút, tận dụng hiệu quả nguồn lực từ các kênh song phương và các cơ chế đa phương tiểu vùng, khu vực và toàn cầu phục vụ phát triển bền vững, bao trùm. Tạo dựng hệ sinh thái đồng bộ để hỗ trợ các địa phương mở rộng quan hệ kinh tế, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường, góp phần xây dựng thương hiệu Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại, ngoại giao đa phương thông qua việc chủ động, tích cực tham gia, từng bước vươn lên đóng vai trò định hình, dẫn dắt, xây dựng luật chơi trong quản trị toàn cầu và giải quyết các vấn đề chung của thế giới. Tăng cường chia sẻ quan điểm, chính sách của Việt Nam tại các diễn đàn trao đổi, phối hợp chính sách uy tín trên thế giới. Đẩy mạnh vận động ứng cử vào các cơ quan, diễn đàn đa phương quan trọng; thúc đẩy vai trò trung gian, hòa giải trong một số vấn đề Việt Nam có lợi ích, khả năng và lợi thế. Đóng góp tích cực vào việc xây dựng cộng đồng ASEAN 2045. Chuẩn bị và tổ chức tốt các sự kiện đa phương quan trọng, đảm nhận hiệu quả vai trò chủ trì và đồng chủ trì các cơ chế hợp tác tiểu vùng Mê Công trong năm 2026; chuẩn bị đăng cai năm APEC 2027 tại Việt Nam. Tiếp tục duy trì sáng kiến của Việt Nam đã được thông qua. Thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực Việt Nam phù hợp với nhu cầu như ứng phó biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước - lương thực - năng lượng, phát triển, khoa học - công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, chuỗi cung ứng, văn hóa, du lịch...

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại, công tác người Việt Nam ở nước ngoài, công tác lãnh sự và bảo hộ công dân. Nâng cao hiệu quả của ngoại giao văn hóa, tăng cường nội hàm văn hóa trong các hoạt động đối ngoại.

12. Chủ động hơn nữa công tác thông tin tuyên truyền, tạo động lực, truyền cảm hứng, khuyến khích đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội

Tiếp tục đổi mới, sáng tạo, đa dạng, phong phú về hình thức, nội dung thông tin, tuyên truyền về các chủ trương, đường lối của Đảng, cơ chế, chính sách và pháp luật của Nhà nước, các sự kiện quan trọng của đất nước trong năm 2026, đặc biệt là Đại hội lần thứ XIV của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Chủ động lan tỏa các điển hình tiên tiến, cách làm sáng tạo, gương người tốt, việc tốt. Thực hiện tốt công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; kiên quyết đấu tranh chống các hành vi sai

trái, phản bác các quan điểm, luận điệu xuyên tạc của thế lực thù địch; thông tin phản hồi những vấn đề được dư luận quan tâm; triệt phá, gỡ bỏ, ngăn chặn thông tin xấu, độc, sai sự thật; xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước thiết thực, hiệu quả; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, dân chủ ở cơ sở, thực hiện tốt nguyên tắc dân chủ cơ sở, phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, tổ chức xã hội, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Phát huy tối đa mặt tích cực, kết quả đạt được, nỗ lực khắc phục những hạn chế, bất cập trên các lĩnh vực; theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc thực hiện nhanh, hiệu quả, thiết thực và toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Kết luận số 199-KL/TW ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Hội nghị Trung ương 13 khóa XIII; Kết luận số 203-KL/TW ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện ở mức cao nhất mục tiêu tăng trưởng năm 2025, tạo đà vững chắc cho tăng trưởng bền vững ở mức 2 con số trong giai đoạn tới và tổng kết Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, Nghị quyết số 245/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, các Nghị quyết khác của Đảng, Quốc hội và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết này; kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, tạo chuyển biến rõ nét ngay từ đầu năm; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện của bộ, ngành, địa phương.

b) Trước ngày 20 tháng 01 năm 2026, xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động, các văn bản cụ thể của bộ, ngành, địa phương để triển khai thực hiện Nghị quyết này; trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ (bao gồm nhiệm vụ chủ trì và nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan liên quan trong tổ chức thực hiện), tiến độ thực hiện và phân công đơn vị chủ trì, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 01 năm 2026.

c) Xây dựng kịch bản tăng trưởng của ngành, lĩnh vực hàng quý, cả năm 2026; đối với chỉ tiêu tăng trưởng GRDP, chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp chặt chẽ với cơ quan thống kê, trên cơ sở số liệu GRDP năm 2025 đã công bố, rà soát, xây dựng kịch bản tăng trưởng GRDP năm 2026 theo 03 khu vực kinh tế, 21 ngành cấp 01 và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm theo từng quý để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Các bộ, ngành, địa phương gửi Bộ Tài chính kịch bản tăng trưởng trong tháng 02 năm 2026 để tổng hợp, theo dõi.

d) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; định kỳ hàng quý, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu tại các Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV, Phụ lục V gửi Bộ Tài chính trước ngày 22 tháng cuối quý để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

đ) Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và chuẩn bị nội dung xây dựng Nghị quyết của Chính phủ cho năm 2027, gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 11 năm 2026 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ tại phiên họp Chính phủ tháng 12 năm 2026.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khẩn trương chỉ đạo nghiên cứu, rà soát các nguồn lực, động lực, năng lực mới cho tăng trưởng, phát huy các cơ chế đặc thù đã được Trung ương cho phép và giải pháp thực hiện, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp trong tháng 02 năm 2026 để điều chỉnh mục tiêu tăng trưởng GRDP của địa phương trong trường hợp Hội đồng nhân dân đã quyết nghị mục tiêu tăng trưởng thấp hơn mục tiêu tại Nghị quyết này nhằm quán triệt và tổ chức thực hiện đồng bộ, toàn diện, hiệu quả.

3. Các bộ, cơ quan tổng hợp, phụ trách theo dõi các lĩnh vực kinh tế vĩ mô có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong tham mưu, đề xuất các giải pháp, biện pháp cụ thể điều hành kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế, kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương tổng hợp, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện và kiến nghị, đề xuất (nếu có), báo cáo Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ hằng tháng và các cuộc họp đột xuất theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; hướng dẫn, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổng hợp, xây dựng mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027 theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí, bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

Phụ lục I
CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2026 Quốc hội giao	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	Phấn đấu 10% trở lên	Bộ Tài chính
2	GDP bình quân đầu người	USD	Đạt 5.400-5.500	Bộ Tài chính
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	%	Khoảng 24,96	Bộ Tài chính
4	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	%	Khoảng 4,5	Bộ Tài chính
5	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân	%	Khoảng 8,5	Bộ Tài chính
6	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	Khoảng 25,3	Bộ Tài chính
7	Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ	%	Khoảng 29,5	Bộ Nội vụ
8	Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi ở khu vực thành thị	%	Dưới 4	Bộ Nội vụ
9	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	Điểm %	Khoảng 1-1,5	Bộ NNMT
10	Số bác sĩ trên 1 vạn dân	Bác sĩ	Khoảng 15,3	Bộ Y tế
11	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường bệnh	34,7	Bộ Y tế
12	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế	%	95,5	Bộ Y tế
13	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới (theo Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2026-2030)	%	Tối thiểu 15	Bộ NNMT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2026 Quốc hội giao	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
14	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	Đạt 95	Bộ NNMT
15	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	Đạt 95	Bộ Tài chính

Phụ lục II
MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG GRDP DỰ KIẾN NĂM 2026
CỦA CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-CP ngày tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

TT	Địa phương	Tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2026 (%)
1	Thành phố Hà Nội	10-10,5
2	Thành phố Hải Phòng	13-13,5
3	Ninh Bình	10,7
4	Hưng Yên	10-11
5	Bắc Ninh	12,5-13
6	Quảng Ninh	12,0
7	Lạng Sơn	10,0
8	Cao Bằng	10,0
9	Thái Nguyên	10,5
10	Tuyên Quang	10,17
11	Phú Thọ	Trên 10
12	Lào Cai	10,0
13	Lai Châu	10,0
14	Điện Biên	11
15	Sơn La	8,0
16	Thanh Hóa	11

TT	Địa phương	Tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2026 (%)
17	Nghệ An	10,5-11,5
18	Hà Tĩnh	10
19	Quảng Trị	10,6
20	Thành phố Huế	10,0 trở lên
21	Thành phố Đà Nẵng	11 trở lên
22	Quảng Ngãi	10,0
23	Gia Lai	8,0
24	Đắk Lắk	9,08
25	Khánh Hòa	10,08
26	Lâm Đồng	10-10,5
27	TP Hồ Chí Minh	10
28	Đồng Nai	10
29	Tây Ninh	10,04
30	Thành phố Cần Thơ	10,0 trở lên
31	Vĩnh Long	9,34
32	Đồng Tháp	8,0-8,5
33	An Giang	10
34	Cà Mau	8,8

Phụ lục III**KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) NĂM 2026 THEO GIÁ SO SÁNH 2010***(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)**Đơn vị: %*

TT	Ngành kinh tế	Kịch bản tăng trưởng GDP năm 2026 (10%)						
		Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng	Quý IV	Cả năm
	Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	109,1	110,2	109,7	110,2	109,9	110,4	110,0
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	103,6	103,8	103,7	103,8	103,7	103,7	103,7
2	Công nghiệp và xây dựng	110,3	112,5	111,5	112,2	111,8	112,4	112,0
<i>a)</i>	<i>Công nghiệp</i>	<i>109,9</i>	<i>112,0</i>	<i>111,0</i>	<i>112,0</i>	<i>111,4</i>	<i>111,4</i>	<i>111,4</i>
-	Khai khoáng	101,5	102,1	101,8	100,6	101,4	100,1	101,1
-	Công nghiệp chế biến, chế tạo	110,4	112,7	111,6	113,3	112,2	112,3	112,2
-	Sản xuất và phân phối điện	112,3	113,9	113,1	110,7	112,3	112,1	112,2
<i>b)</i>	<i>Xây dựng</i>	<i>112,6</i>	<i>114,7</i>	<i>113,8</i>	<i>113,1</i>	<i>113,6</i>	<i>116,5</i>	<i>114,5</i>
3	Dịch vụ	109,6	110,0	109,8	110,1	109,9	110,2	110,0
-	Vận tải, kho bãi	112,0	112,0	112,0	113,0	112,3	111,5	112,1
-	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	111,1	111,9	111,5	114,5	112,5	112,6	112,6
-	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	110,1	111,1	110,6	111,6	110,0	112,4	111,4
4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	108,1	108,6	108,3	109,5	108,7	109,9	109,0

Phụ lục IV
MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô			
1	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng (không bao gồm các ngân hàng thương mại yếu kém)	%	< 3	NHNN
2	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ xấu đã bán cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) chưa được xử lý, thu hồi và nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu (không bao gồm các ngân hàng thương mại yếu kém)	%	< 5	NHNN
3	Tỷ lệ động viên vào NSNN trên GDP	%	Khoảng 17,4	Bộ TC
4	Tỷ trọng chi đầu tư phát triển/tổng chi NSNN	%	35,5	Bộ TC
5	Tỷ trọng chi thường xuyên/tổng chi NSNN	%	57,3	Bộ TC
6	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP	%	Khoảng 35	Bộ TC
7	Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu	%	Khoảng 15-16	Bộ CT
II	Một số chỉ tiêu về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng			
8	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	Khoảng 12-14	Bộ CT
9	Tốc độ tăng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	Đạt 10	Bộ CT

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
10	Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII)	Thứ hạng	Trong nhóm 04 quốc gia dẫn đầu của ASEAN	Bộ KHCN
11	Tỷ lệ công bố quốc tế tăng trung bình	%	12	Bộ KHCN
12	Số tổ chức Khoa học và Công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới	Tổ chức	55	Bộ KHCN
13	Tăng trưởng thị trường thương mại điện tử B2C	%	20-22	Bộ CT
14	Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử	%	60-62	Bộ CT
III	Một số chỉ tiêu về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và dịch vụ công			
15	Tổng điện năng sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống	Tỷ kWh	350-368,1	Bộ CT
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	8,5-14,1	
16	Tổng công suất nguồn điện (không bao gồm điện mặt trời mái nhà)	MW	88.165	Bộ CT
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	Tối thiểu 6,6%	
17	Tỷ lệ dự phòng công suất nguồn (không bao gồm điện mặt trời, gió, sinh khối)	%	21,8	Bộ CT
18	Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang	%	84	Bộ KHCN

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
19	Tỷ lệ sử dụng địa chỉ thế hệ mới IPv6 trên mạng Internet Việt Nam	%	72	Bộ KHCN
20	Diện tích nhà ở bình quân cả nước	m ² sàn/người	27	Bộ XD
21	Số lượng căn nhà ở xã hội hoàn thành	căn	> 110.000	Bộ XD
22	Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	95	Bộ XD
23	Tỷ lệ hệ thống cấp nước đô thị lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn	%	50	Bộ XD
24	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia	%	18	Bộ XD
25	Tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc	%	45	Bộ XD
IV	Một số chỉ tiêu về phát triển văn hóa, nghệ thuật, giáo dục, y tế, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường			
26	Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ	%	35,5	Bộ GDĐT
27	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo	%	94,5	Bộ GDĐT
28	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Tỉnh	12	Bộ GDĐT
29	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	Tỉnh	22	Bộ GDĐT

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
30	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 1)	Tỉnh	5	Bộ GDĐT
31	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 2)	Tỉnh	17	Bộ GDĐT
32	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 3)	Tỉnh	12	Bộ GDĐT
33	Tỷ lệ số người biết chữ trong độ tuổi theo quy định	%	99,12	Bộ GDĐT
34	Tỷ lệ giảng viên đại học có bằng tiến sĩ	%	35	Bộ GDĐT
35	Tỷ lệ sinh viên học đại học/vạn dân	SV/vạn dân	220	Bộ GDĐT
36	Số người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Nghìn người	Khoảng 112	Bộ Nội vụ
37	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội	%	48,1	Bộ Tài chính
38	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo thất nghiệp	%	37,07	Bộ Tài chính
39	Số học sinh giáo dục nghề nghiệp được tuyển mới trong năm	Người	2.100	Bộ GDĐT

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
40	Số học sinh giáo dục nghề nghiệp tốt nghiệp trong năm	Người	1.700	Bộ GDĐT
41	Tỷ lệ người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng kịp thời	%	Trên 91	Bộ Y Tế
42	Tỷ lệ người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, phụng dưỡng, chăm sóc kịp thời	%	Trên 91	Bộ Y Tế
43	Tỷ lệ người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý được tiếp cận các dịch vụ tư vấn, điều trị, cai nghiện ma túy	%	80	Bộ Công an
44	Tỷ trọng người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy trong tổng số người nghiện được cai nghiện	%	40	Bộ Công an
45	Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch hợp quy chuẩn	%	62	Bộ NNMT
46	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	90	Bộ Y tế
47	Tuổi thọ trung bình (tính từ lúc sinh)	Tuổi	74,8	Bộ Y tế
48	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	> 80	Bộ Y tế

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
49	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/100 bé gái	111	Bộ Y tế
50	Tỷ suất tử vong trẻ em < 1 tuổi	Số ca/ trên 1.000 trẻ đẻ sống	11	Bộ Y tế
51	Tỷ suất tử vong của trẻ em < 5 tuổi	Số ca/ trên 1.000 trẻ đẻ sống	16	Bộ Y tế
52	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/tuổi)	%	16,8	Bộ Y tế
53	Số được sỹ đại học trên 10.000 dân	DS/vạn dân	3,4	Bộ Y tế
54	Số điều dưỡng trên 10.000 dân	ĐD/vạn dân	25	Bộ Y tế
55	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số	Điểm %	3	Bộ NNMT
56	Hồ chứa thủy điện lớn đang vận hành được kiểm soát, giám sát trực tuyến	%	100	Bộ NNMT

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
57	Hồ chứa thủy điện, thủy lợi được xác định và công bố dòng chảy tối thiểu sau đập	Công trình	Khoảng 700	Bộ NNMT
V	Một số chỉ tiêu về cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử			
58	Tỷ lệ tổng số lượng gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đủ điều kiện áp dụng đấu thầu qua mạng	%	100	Bộ Tài chính
59	Tỷ lệ tổng giá trị gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh, đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đủ điều kiện áp dụng đấu thầu qua mạng	%	100	Bộ Tài chính
60	Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ bình quân cả nước	%	84,7	Bộ NV
61	Chỉ số cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bình quân cả nước	%	88,87	Bộ NV
62	Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước bình quân cả nước	%	86	Bộ NV
63	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	80	VPCP
64	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	%	60	VPCP
65	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	%	80	VPCP
66	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	80	VPCP
67	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của Bộ, ngành, địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	100	VPCP

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
68	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ	%	100	VPCP

Phụ lục V
MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
I.	Nhóm nhiệm vụ về thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn và cơ cấu lại nền kinh tế		
1	Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (sửa đổi, bổ sung)	Tháng 8/2026	Bộ Tài chính
2	Nghị định hướng dẫn về tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu	Tháng 06/2026	Bộ Tài chính
3	Nghị định về chào bán trái phiếu ra công chúng của doanh nghiệp dự án PPP	Tháng 06/2026	Bộ Tài chính
4	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi)	Tháng 06/2026	Bộ Tài chính
5	Luật Dầu khí (sửa đổi)	Tháng 10/2026	Bộ Công Thương
6	Nghị quyết của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 207-KL/TW ngày 10/11/2025 của Ban Bí thư	Quý I/2026	Bộ Công Thương
7	Phát triển các mô hình outlet tại Việt Nam giai đoạn 2026- 2030, định hướng đến năm 2045	2026	Bộ Công Thương
8	Đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030	2025 - 2026	Bộ Công Thương
9	Phát triển thị trường giao dịch hàng hóa phái sinh tại Việt Nam giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045	2026	Bộ Công Thương
10	Đề án triển khai Kế hoạch Cộng đồng Kinh tế ASEAN sau 2025, tầm nhìn 2045	2026	Bộ Công Thương
11	Nghị định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thương mại điện tử	Quý III/2026	Bộ Công Thương
II.	Nhóm nhiệm vụ về rà soát, hoàn thiện thể chế pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh		

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
12	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực số 61/2024/QH15	Tháng 10/2026	Bộ Công Thương
13	Luật Hộ tịch (sửa đổi)	Tháng 01/2026	Bộ Tư Pháp
14	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng	Tháng 01/2026	Bộ Tư pháp
15	Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi)	Tháng 01/2026	Bộ Tư Pháp
16	Luật Thủ đô (sửa đổi)	Năm 2026	Bộ Tư pháp
17	Nghị quyết của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh	Tháng 3/2026	Bộ Tư pháp
18	Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Tháng 3/2026	Bộ Tư Pháp
19	Luật Đấu giá tài sản (sửa đổi)	Tháng 5/2026	Bộ Tư Pháp
20	Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật (sửa đổi)	Tháng 5/2026	Bộ Tư Pháp
21	Đề án Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác xây dựng, kiểm tra và rà soát văn bản quy phạm pháp luật	Tháng 5/2026	Bộ Tư pháp
22	Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật	Tháng 5/2026	Bộ Tư pháp
23	Nghị định thay thế các Nghị định về kiểm soát thủ tục hành chính	Tháng 6/2025	Bộ Tư pháp
24	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	Tháng 6/2026	Bộ Tư Pháp
25	Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi)	Tháng 6/2026	Bộ Tư Pháp
26	Luật Luật sư (sửa đổi)	Tháng 6/2026	Bộ Tư Pháp
27	Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Tháng 6/2026	Bộ Tư Pháp

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
28	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội được thông qua tại Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XVI	Tháng 6/2026	Bộ Tư Pháp
29	Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi)	Tháng 6/2026	Bộ Tư Pháp
30	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Tư pháp	Tháng 6/2026	Bộ Tư Pháp
31	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2015/NĐ-CP ngày 26/5/2015 về cấp ý kiến pháp lý	Tháng 7/2026	Bộ Tư Pháp
32	Đề án “Văn hóa trong tuân thủ pháp luật”	Tháng 8/2026	Bộ Tư Pháp
33	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI	Tháng 8/2026	Bộ Tư Pháp
34	Đề án thực hiện soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật tập trung, chuyên nghiệp	Tháng 9/2026	Bộ Tư Pháp
35	Đề án “Hoàn thiện tiêu chí và các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ người làm công tác xây dựng thể chế, pháp luật”	Tháng 9/2026	Bộ Tư Pháp
36	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số VBQPPL do Thủ tướng Chính phủ ban hành	Tháng 10/2026	Bộ Tư Pháp
37	Nghị định thay thế Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/05/2015 về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	Tháng 10/2026	Bộ Tư Pháp
38	Nghị định bãi bỏ một số nghị định của Chính phủ	Tháng 10/2026	Bộ Tư Pháp
39	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc Phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2027	Tháng 11/2026	Bộ Tư Pháp
40	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội được thông qua tại kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa XVI	Tháng 12/2026	Bộ Tư Pháp

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
41	Đề án nâng tầm tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách trong lĩnh vực pháp luật thuộc Bộ Tư pháp (Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý) trở thành cơ sở nghiên cứu trọng điểm quốc gia, trung tâm nghiên cứu chính sách, pháp luật thuộc nhóm dẫn đầu các nước ASEAN	Trong năm 2026	Bộ Tư Pháp
42	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp	Tháng 12/2026	Bộ Tư pháp
43	Đề án tăng cường sự tham gia của các chuyên gia pháp luật Việt Nam trong các tổ chức pháp lý quốc tế và cơ quan tài phán quốc tế	Tháng 12/2026	Bộ Tư pháp
44	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định thời hạn, trình tự, thủ tục thi hành án hành chính và xử lý trách nhiệm đối với người không thi hành bản án, quyết định của Tòa án về hành chính	Sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 được Quốc hội thông qua	Bộ Tư pháp
45	Nghị định thay thế Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 về hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp nhỏ và vừa	Sau khi ban hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (sửa đổi)	Bộ Tư pháp
46	Luật Bru chính (sửa đổi)	Tháng 5/2026	Bộ KH và CN
47	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường	Tháng 5/2026	Bộ KH và CN
48	Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ	Tháng 3/2026	Bộ KH và CN
49	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ	Tháng 02/2026	Bộ KH và CN

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
50	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ	Tháng 6/2026	Bộ KH và CN
51	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 18/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng điện báo Hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.	Tháng 10/2026	Bộ KH và CN
52	Sửa đổi quyết định số 29/2023/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên	Tháng 5/2026	Bộ KH và CN
53	Quyết định phê duyệt điều chỉnh Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030	Tháng 8/2026	Bộ KH và CN
54	Chương trình hành động thực hiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 8/2026	Bộ KH và CN
55	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch cụ thể phát triển cơ sở hạ tầng điện hạt nhân của IAEA	Tháng 8/2026	Bộ KH và CN
56	Nghị quyết của Chính phủ về việc Việt Nam tham gia Công ước Viên 1997 về trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại hạt nhân	Tháng 12/2026	Bộ KH và CN
57	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế phối hợp xử lý nhiều có hại giữa các đài vô tuyến điện phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh và mục đích kinh tế - xã hội	Tháng 12/2026	Bộ KH và CN
58	Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ (Luật số 115/2025/QH15)	Tháng 05/2026	Bộ KH và CN
59	Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật công nghệ cao số 133/2025/QH15	Tháng 06/2026	Bộ KH và CN

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
60	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao ưu tiên đầu tư phát triển, Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược	Tháng 7/2025	Bộ KH vàCN
III.	Nhóm nhiệm vụ về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp		
61	Nghị định quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ học bổng quốc gia	Tháng 11/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo
62	Nghị định quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục	Tháng 11/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo
63	Xây dựng Nghị định quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ học sinh, sinh viên, giảng viên, giáo viên đi học tập, nghiên cứu, thỉnh giảng ở các nước phát triển, các nước có quan hệ truyền thống, có thế mạnh trong các lĩnh vực, ngành trọng điểm	Tháng 11/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo
64	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2030	Tháng 11/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo
65	Đề án phát triển Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2026 - 2030, định hướng 2045	Tháng 12/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo
66	Đề án đổi mới công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2026-2035, tầm nhìn đến năm 2045	Tháng 12/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo
67	Xây dựng Đề án phát triển đội ngũ Nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2035	Tháng 6/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo
68	Xây dựng Đề án thúc đẩy hiệu quả mô hình hợp tác “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp” trong giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp	Năm 2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo
69	Xây dựng Đề án phát triển mạng lưới đại diện giáo dục và đào tạo ở các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Tháng 11/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo
70	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, viên chức Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới	Tháng 9/2026	Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
71	Chiến lược phát triển Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tháng 9/2026	Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam
72	Chiến lược đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tháng 6/2026	Bộ Nội vụ
IV.	Nhóm nhiệm vụ về phát triển văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân		
73	Nghị định thay thế Nghị định số 58/2020/NĐ-CP ngày 27/5/2020 của Chính phủ Quy định mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	Quý IV/2026	Bộ Nội Vụ
74	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 143/2024/NĐ-CP ngày 01/11/2024 của Chính phủ quy định về bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động	Quý IV/2026	Bộ Nội Vụ
75	Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (sửa đổi)	Tháng 01/2026	Bộ Dân tộc và Tôn giáo
76	Nghị định quy định về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Tháng 05/2026	Bộ Dân tộc và Tôn giáo
77	Nghị định về công tác dân tộc	Tháng 12/2026	Bộ Dân tộc và Tôn giáo
78	Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (sửa đổi)	Tháng 12/2026	Bộ Dân tộc và Tôn giáo
79	Đề án Nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Tháng 9/2026	Bộ Dân tộc và Tôn giáo
80	Đề án “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo lĩnh vực công tác dân tộc, tôn giáo”	Tháng 9/2026	Bộ Dân tộc và Tôn giáo
81	Đề án phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện giai đoạn 2026 - 2030	Quý II/2026	Bộ Y Tế
82	Đề án phát triển du lịch y tế giai đoạn 2026 - 2030	Quý IV/2026	Bộ Y Tế
83	Đề án phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu	Quý IV/2026	Bộ Y Tế
84	Đề án nâng cao năng lực hệ thống kiểm nghiệm, kiểm định thuộc lĩnh vực y tế	Quý IV/2026	Bộ Y Tế

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
85	Chiến lược quốc gia về phát triển trẻ em giai đoạn 2026 – 2035, tầm nhìn đến 2045	Quý IV/2026	Bộ Y Tế
86	Đề án chăm sóc phát triển toàn diện trẻ em những năm đầu đời giai đoạn 2026 – 2030	Quý IV/2026	Bộ Y Tế
87	Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026 – 2030	Quý IV/2026	Bộ Y Tế
88	Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục giai đoạn 2026 – 2030	Quý IV/2026	Bộ Y Tế
89	Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em giai đoạn 2026 - 2030	Quý IV/2026	Bộ Y Tế
90	Nghị định thay thế Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 76/2024/NĐCP ngày 30/6/2024	Quý II/2026	Bộ Y Tế
91	Nghị định sửa đổi Nghị định 103/2017/NĐ- CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội	Quý III/2026	Bộ Y Tế
92	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ về công tác xã hộ	Quý IV/2026	Bộ Y Tế
93	Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2026-2035	Quý IV/2026	Bộ Y Tế
94	Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Dân số	Tháng 5/2026	Bộ Y Tế
95	Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2026-2035	Tháng 11/2026	Bộ Y Tế
96	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2030	Tháng 3/2026	Bộ KH và CN
97	Đề án Cơ sở dữ liệu quốc gia về An sinh xã hội	Tháng 6/2026	Bộ Nội vụ
98	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2024/NĐ-CP ngày 10/4/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin cơ sở	Tháng 12/2026	Bộ VHTTDL
99	Chiến lược phát triển thông tin cơ sở giai đoạn 2026-2030	Tháng 12/2026	Bộ VHTTDL

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
100	Đề án Quảng bá hình ảnh Việt Nam ra nước ngoài thông qua báo chí, xuất bản và mạng xã hội	Tháng 12/2026	Bộ VH TTDL
101	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Báo chí	Tháng 7/2026	Bộ VH TTDL
102	Nghị định quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của cơ quan hành chính nhà nước	Tháng 7/2026	Bộ VH TTDL
V.	Nhóm nhiệm vụ về ứng phó với biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường		
103	Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (thay thế)	Tháng 10/2026	Bộ NN và MT
104	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ	Tháng 4/2026	Bộ NN và MT
105	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (cập nhật năm 2026)	Tháng 8/2026	Bộ NN và MT
106	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia (cập nhật)	Tháng 11/2026	Bộ NN và MT
107	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 40/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh muối	Tháng 11/2026	Bộ NN và MT
108	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn	Tháng 11/2026	Bộ NN và MT
109	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	Tháng 11/2026	Bộ NN và MT
110	Quyết định quy định tiêu chí xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030	Tháng 11/2026	Bộ NN và MT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
111	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định 1325/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án phát triển ngành muối giai đoạn 2021 - 2030.	Quý III/2026	Bộ NN và MT
112	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xã nghèo giai đoạn 2026-2035	Quý I/2026	Bộ NN và MT
113	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã nghèo giai đoạn 2026-2035	Quý II/2026	Bộ NN và MT
114	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035 (Chương trình)	Quý III/2026	Bộ NN và MT
115	Điều chỉnh quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quý III/2026	Bộ NN và MT
116	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Ba thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 09/2026	Bộ NN và MT
117	Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông Vu Gia Thu - Bồn thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 10/2026	Bộ NN và MT
118	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 09/2026	Bộ NN và MT
119	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Kôn - Hà Thanh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 10/2026	Bộ NN và MT
120	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Trà Khúc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 11/2026	Bộ NN và MT
121	Chiến lược tài nguyên nước quốc gia đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 12/2026	Bộ NN và MT
122	Đề án thí điểm phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm các sông Bắc Hưng Hải, Nhuệ - Đáy, Ngũ Huyện Khê	Tháng 6/2026	Bộ NN và MT
123	Danh mục lưu vực sông liên quốc gia; danh mục lưu vực sông liên tỉnh	Tháng 4/2026	Bộ NN và MT
124	Luật sửa đổi một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	Quý IV/2026	Bộ NN và MT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
125	Điều tra, phân loại và lập danh mục các nguồn nước mặt sông liên tỉnh bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt trên phạm vi toàn quốc	Tháng 11/2026	Bộ NN và MT
126	Đề án “Phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực nông nghiệp”	Quý I/2026	Bộ NN và MT
127	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2026- 2030	Quý II/2026	Bộ NN và MT
128	Điều tra tổng thể về khoáng sản và hoàn thiện nền bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000 vùng Bắc Trung Bộ phục vụ quy hoạch phát triển bền vững kinh tế xã hội (địa bàn các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên Huế)	Tháng 02/2026	Bộ NN và MT
129	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	Tháng 9/2026	Bộ NN và MT
130	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai	Tháng 3/2026	Bộ NN và MT
131	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 6/2026	Bộ NN và MT
VI.	Nhóm nhiệm vụ về hoàn thiện, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, lợi ích nhóm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính		
132	Nghị định quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật tiếp công dân (thay thế Nghị định số 64/2014/NĐ-CP)	Quý II/2026	Thanh Tra Chính phủ
133	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 124/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Khiếu nại	Quý II/2026	Thanh Tra Chính phủ
134	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Tố cáo	Quý II/2026	Thanh Tra Chính phủ
135	Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng (thay thế Nghị định số 59/2019/NĐ-CP và Nghị định số 134/2021/NĐ-CP)	Quý II/2026	Thanh Tra Chính phủ

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
136	Nghị định về kiểm soát tài sản của người có chức vụ, quyền hạn (thay thế Nghị định số 130/2020/NĐ-CP)	Quý II/2026	Thanh Tra Chính phủ
VII.	Nhóm nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh		
137	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi hành án hình sự (sửa đổi)	Tháng 5/2026	Bộ Công An
138	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự	Tháng 5/2026	Bộ Công An
139	Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức quản lý và các chế độ đối với người lưu trú tại cơ sở lưu trú	Tháng 5/2026	Bộ Công An
140	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dẫn độ	Tháng 4/2026	Bộ Công An
141	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù	Tháng 4/2026	Bộ Công An
142	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp	Tháng 12/2026	Bộ Công An
143	Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dữ liệu	Tháng 12/2026	Bộ Công An
144	Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035	Tháng 12/2026	Bộ Công An
145	Nghị định của Chính phủ về tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố và một số chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	Năm 2026	Bộ Nội vụ
VIII.	Nhóm nhiệm vụ về công tác đối ngoại		
146	Nghị quyết của Chính phủ phê duyệt Văn kiện Đại hội Liên minh Bưu chính Thế giới (UPU) lần thứ 28	Tháng 12/2026	Bộ KH và CN
147	Quyết định của Chủ tịch nước đối với việc sửa đổi Hiến chương Liên minh Bưu chính thế giới (UPU)	Tháng 12/2026	Bộ KH và CN
148	Triển khai Đề án tăng cường công tác đối ngoại phục vụ phát triển đất nước trong tình hình mới	2026-2030	Bộ Ngoại giao

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
149	Đề án tổng thể năm APEC 2027	Quý I/2026	Ủy ban quốc gia APEC 2027 - Bộ Ngoại giao
150	Triển khai vai trò chủ trì cơ chế hợp tác Campuchia – Lào – Myanmar – Việt Nam (CLMV) và tổ chức Hội nghị Cấp cao CLMV lần thứ 12	2026	Bộ Ngoại giao
151	Triển khai vai trò đồng chủ trì cơ chế hợp tác Mê Công – Lan Thương (MLC) và tổ chức Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao MLC lần thứ 11	2026	Bộ Ngoại giao
152	Thúc đẩy hợp tác kết nối ba nền kinh tế Việt Nam – Lào – Campuchia, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động hợp tác đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp ba nước	2026	Bộ Ngoại giao
153	Nghiên cứu “Cơ chế hợp tác kinh tế mới Việt Nam – Campuchia	2026	Bộ Ngoại giao
154	Tiếp tục thúc đẩy trao đổi, đàm phán với Campuchia về Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới và Hiệp định về quản lý cửa khẩu biên giới	Tùy thuộc và tiến trình đàm phán giữa hai bên	Bộ Ngoại giao
155	Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 153/NQ-CP ngày 31/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới	2026	Bộ Ngoại giao